BÀI 9: CÔNG THỨC HÓA HỌC

Họ và tên……Lớp……

1. **CTHH của đơn chất:** *Điền các CTHH / từ thích hợp vào chỗ trống*

a. Đơn chất Kim loại

Tên đơn chất	Kali		Bari		Magie		Kẽm		Chì		Đồng	Bạc
KHHH		*Na*		*Ca*		*Al*		*Fe*		*H*		
CTHH												
Mẹo nhớ	**Công thức hóa học (CTHH) của kim loại trùng với KHHH**											

b. Đơn chất Phi kim

Trạng thái	**Tên chất**	**KHHH**	**CTHH**
Khí	oxi		
	hiđro		
	nitơ		
	flo		
	clo		
	Công thức hóa học (CTHH) của phi kim ở trạng thái khí A_2		
Rắn	cacbon		
	lưu huỳnh		
	photpho		

Mẹo nhớ	**Công thức hóa học (CTHH) của phi kim ở trạng thái rắn trùng với KHHH**

LIVEWORKSHEETS

2. **CTHH của hợp chất:** *Kéo thả nội dung cột bên phải sao cho CTHH phù hợp.*

Phân tử gồm		CTHH
I. 1H; 1 Cl		A. H_2SO_4
II. 1C; 2O		B. NaF
III. 3H; 1 P; 4 O		C. HCl
IV. 1 Mg, 1 C, 3O		D. CO_2
V. 2H; 1S; 4 O		E. H_3PO_4
VI. 1 Na, 1F		F. $MgCO_3$

LIVEWORKSHEETS

Câu 1: Đưa các công thức hóa học đã cho vào các ô tương ứng phía dưới phù hợp với nội dung của từng cột (Lưu ý số thứ tự tương ứng với thứ tự của các CTHH tăng dần từ trái sang phải)

$Mg(NO_3)_2$ | $Fe_2(SO_4)_3$ | HNO_3 | Cl_2 | HCl | H_2SO_4 | $CaCO_3$ | CH_4

Thành phần nguyên tố có H và O	Có 6 hoặc 12 nguyên tử Oxi trong phân tử	Có phân tử khối ở trong khoảng $16 \leq M \leq 37$
1:	3:	5:
2:	4:	6:

Câu 2: Cho C_2H_5OH. Số nguyên tử H có trong hợp chất

A. 1. **B.** 5. **C.** 3. **D.** 6.

Câu 3: Tỉ lệ số nguyên tử của các nguyên tố Ca, C, O trong công thức $CaCO_3$ là

A. 1: 1: 1. **B.** 1: 1: 2. **C.** 1: 1: 3. **D.** 2: 1: 3.

Câu 4: Hợp chất natri cacbonat có công thức hóa học là Na_2CO_3 thì tỉ lệ các nguyên tố theo thứ tự Na : C : O là

A. 2 : 0 : 3. **B.** 1 : 2 : 3. **C.** 2 : 1 : 3. **D.** 3 : 2 : 1.

Câu 5: Khí oxi do nguyên tố oxi tạo nên; nước do 2 nguyên tố oxi và hiđro tạo nên; tinh bột do 3 nguyên tố cacbon, hiđro và oxi tạo nên. Nguyên tố nào cho dưới đây là nguyên liệu cấu tạo chung của các chất này?

A. cacbon. **B.** hiđro. **C.** sắt. **D.** oxi.

Câu 6: Ba nguyên tử hiđro được biểu diễn là

A. 3H. **B.** $3H_2$. **C.** $2H_3$. **D.** H_3.

Câu 7: Cách viết 2C có ý nghĩa:

A. 2 nguyên tố cacbon. **B.** 2 nguyên tử cacbon.

C. 2 đơn vị cacbon. **D.** 2 khối lượng cacbon.

Câu 8: Kí hiệu biểu diễn hai nguyên tử oxi là

A. 2O. **B.** O_2. **C.** O_2. **D.** $2O_2$

Câu 9: Cách biểu diễn $4H_2$ có nghĩa là

A. 4 nguyên tử hiđro. **B.** 8 nguyên tử hiđro.

C. 4 phân tử hiđro. **D.** 8 phân tử hiđro.

Câu 10: Lưu huỳnh đioxit có công thức hóa học là SO_2. Ta nói thành phần phân tử của lưu huỳnh đioxit gồm:

A. 2 đơn chất lưu huỳnh và oxi.

B. 1 nguyên tố lưu huỳnh và 2 nguyên tố oxi.

C. nguyên tử lưu huỳnh và nguyên tử oxi.

D. 1 nguyên tử lưu huỳnh và 2 nguyên tử oxi

Câu 11: Công thức hóa học và phân tử khối của hợp chất có 1 nguyên tử Na, 1 nguyên tử N và 3 nguyên tử oxi trong phân tử là

A. $NaNO_3$, phân tử khối là 85

B. $NaNO_3$, phân tử khối là 86.

C. $NaNO_2$, phân tử khối là 69.

D. $NaNO_3$, phân tử khối là 100.

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS